

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO HẢI PHÒNG
TRƯỜNG THPT LÊ HỒNG PHONG

Số: 04/QĐ - LHP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hải Phòng, ngày 13 tháng 03 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

V/v công bố công khai số liệu quyết toán ngân sách năm 2021
của trường THPT Lê Hồng Phong

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG THPT LÊ HỒNG PHONG

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ; Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28/9/2018 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC;

Xét đề nghị của bộ phận phụ trách kế toán nhà trường.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu quyết toán thu, chi ngân sách năm 2021 của Trường THPT Lê Hồng Phong (theo biểu đính kèm).

Hình thức công khai: trên trang website của Trường THPT Lê Hồng Phong

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Các ông (bà) Phó hiệu trưởng, kế toán, cá nhân có liên quan nhà trường căn cứ Quyết định này ./

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Công TTĐT trường;
- Lưu: KT, VP.

HIỆU TRƯỞNG



ĐINH HỒNG TIỆP



Đơn vị: Trường THPT Lê Hồng Phong
Mã quan hệ ngân sách: 1018915
Chương: 422

QUYẾT TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2021

(Kèm theo Quyết định số 13/03/QĐ-THPTLHP ngày 13/03/2022 của Hiệu trưởng trường
THPT Lê Hồng Phong)

Đơn vị tính: triệu đồng

Số TT	Nội dung	Số liệu báo cáo quyết toán	Số liệu quyết toán được duyệt	Chênh lệch
A.	Quyết toán chi ngân sách nhà nước	9.249	9.249	
I	Nguồn ngân sách trong nước	9.249	9.249	
1	Kinh phí chi thường xuyên	9.237	9.237	
1.1	Kinh phí giao tự chủ	9.237	9.237	
	Trong đó			
a	Chi tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp đóng theo lương	7.874	7.874	
b	Chi dịch vụ , tuyên truyền liên lạc, công tác phí, vật tư văn phòng,..	460	460	
c	Chi mua sắm, sửa chữa bảo dưỡng tài sản thường xuyên	265	265	
d	Chi hoạt động chuyên môn	213	213	
e	Chi thường xuyên khác (phụ cấp Đảng uỷ, thuê lao động, thuê thiết bị, , thanh toán khác cho cá nhân, tiền thưởng...)	425	425	
2	Kinh phí chi không thường xuyên	12	12	
2.1	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	12	12	
	Trong đó			
a	Chi hỗ trợ đối tượng chính sách đóng học phí, các khoản hỗ trợ khác	12	12	

